TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 31/10/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Quốc Hội

Ông: Đinh Minh Tặng

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST – TCDS ngày 27/12/2017 về *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2018/QĐXXST- DS ngày 20/9/2018 của TAND huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 L H, phường T C, quận B Đ, H N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T A L – Cán bộ Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 14/NHNo-MH ngày 03/01/2018)

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà C T M C

Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông T Q T

Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2011 bà C T M C có vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B theo hợp đồng tín dụng số LAV - 201100919/HĐTD số tiền vay 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua bò sinh sản, chi phí chuồng trại với thời hạn cho vay là 48 tháng, hạn trả gốc kỳ cuối ngày 19/10/2015. Trong đó kỳ trả nợ được phân như sau: Ngày 19/10/2013 trả 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 19/10/2014 trả 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 19/10/2015 trả 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 833m^2 đất tại tiểu khu 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 923756 do UBND huyện M H cấp ngày 28/4/2009 và ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m^2 được xây dựng trên đất. Nhưng trong thời gian vay vốn bà C T M C không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định, vi phạm các thỏa thuận đã ký tại hồ sơ vay vốn, để nợ quá hạn dài ngày (thuộc nhóm nợ xấu), bà C mới trả được 9 triệu đồng tiền nợ gốc.

Vì vậy Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B khởi kiện buộc bà C T M C phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay tại ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LAV - 201100919/HĐTD số tiền vay 141.000.000 đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và phần lãi phát sinh (tính đến ngày 31/10/2018) là 108.394.500 đ (Một trăm linh tám triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Về phía bị đơn: Trong bản tự khai ngày 16/01/2018 tại Tòa án bà C T M C trình bày như sau: Ngày 19/10/2011 gia đình bà đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số LAV - 201100919/HĐTD với mục đích mua bò sinh sản và chi phí chuồng trại. Dư nợ gốc đến ngày 16/01/2018 còn 141.000.000 đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng). Nhưng do chăn nuôi thua lỗ, hiện nay hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên không có tiền trả cho ngân hàng. Đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho tôi trả nợ ngân hàng.

Đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm giải quyết của VKSND huyện Minh Hóa: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bị đơn C T M C phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 31/10/2018)

là 249.394.500 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng). Ngân hàng N có quyền bán các tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Ngày 19/10/2011 việc bà C T M C có vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và thế chấp tài sản là quyền sử dụng 833m^2 đất tại tiểu khu 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 923756 do UBND huyện M H cấp ngày 28/4/2009 và ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m^2 được xây dựng trên đất . Nhưng quá trình vay vốn sau đó không trả gốc và lãi đúng hạn, hai bên đã thương lượng nhưng không có kết quả nên đã khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Xét thấy đề nghị của phía nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, đại diện theo uỷ quyền là ông T A L – Cán bộ ngân hàng yêu cầu bà C T M C trả lại khoản tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B cả gốc và lãi (tính đến ngày 31/10/2018) là 249.394.500 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 141.000.000 đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và phần lãi phát sinh (tính đến ngày 31/10/2018) là 108.394.500 đ (Một trăm linh tám triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B có quyền bán tài sản thế chấp của bà C T M C gồm quyền sử dụng 833m^2 đất tại tiểu khu 5, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 923756 do UBND huyện M H cấp ngày 28/4/2009 và ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m^2 được xây dựng trên đất.

[3] Về án phí: Bà C T M C phải chịu 12.469.725đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), do ông Đ M T nộp thay ông H T D theo biên lai án phí số 0003961 ngày 27/12/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 158, điều 164, điều 166, điều 299, điều 321, điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông T A L.

2. Buộc bị đơn C T M C phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 31/10/2018) là 249.394.500 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 141.000.000 đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và phần lãi phát sinh (tính đến ngày 31/10/2018) là 108.394.500 đ (Một trăm linh tám triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng).

3.Về án phí: Bà C T M C phải chịu 12.469.725đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, B Q B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), do ông Đ M T nộp thay ông H T D theo biên lai án phí số 0003961 ngày 27/12/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LAV - 201100919/HĐTD ngày 19/10/2011, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn (lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 19/10/2011 là 20,5% / năm).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/10/2018), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Minh Hóa;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cụcTHADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**